TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/9/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Huệ.

Ông Trần Minh Út.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Quang Nhật – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 232/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 445/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 348/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1983 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã V, huyện P, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn P, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp D, xã V, huyện P, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 6 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2008, bà Phạm Thị T và ông Phạm Văn P kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau vào ngày 20 tháng 3 năm 2008 (Giấy chứng nhận kết hôn số 42). Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng rất hạnh phúc nhưng được khoảng thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không hòa hợp trong lối sống, từ đó cuộc sống vợ chồng ngày càng phát sinh mâu thuẫn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tồn tại đời sống chung, cuộc sống không mang lại hạnh phúc nên bà Phạm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn P.

Về con chung: Quá trình sống chung giữa bà T và ông P có 02 người con chung tên Phạm Khánh D, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2009 và Phạm Khánh S, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2019. Con chung hiện đang sống với bà T, khi ly hôn

bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông Phạm Văn P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Phạm Văn P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông P vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của bà T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:* Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị T cho bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn P. Giao con chung tên Phạm Khánh D và Phạm Khánh S cho bà T nuôi dưỡng, ông P phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa bà Phạm Thị T với ông Phạm Văn P được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Phạm Văn P là bị đơn có nơi cư trú tại huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Phạm Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Phạm Thị T với ông Phạm Văn P.

[3] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị T với ông Phạm Văn P sống chung với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau ngày 20 tháng 3 năm 2008 (Giấy chứng nhận kết hôn số 42). Do đó, hôn nhân của bà Phạm Thị T với ông Phạm Văn P là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị T xác định, thời gian sống chung, bà và ông P tính tình không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn P. Đối với ông Phạm Văn P, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông P vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng và cũng không cung cấp tài liệu, lời khai và chứng cứ để phản đối yêu cầu khởi kiện của bà T.

Hội đồng xét xử nhận thấy, bà T đã gửi đơn yêu cầu ly hôn với ông P một thời gian dài nhưng ông P không có ý kiến gì, bà T cho rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông P không hòa hợp lối sống, vợ chồng ngày càng phát sinh mâu thuẫn. Điều đó cho thấy, hôn nhân giữa bà Phạm Thị T với ông Phạm Văn P

đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn P.

[4] Về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình sống chung bà T và ông P có 02 người con chung tên Phạm Khánh D và Phạm Khánh S. Bà T yêu cầu sau khi ly hôn bà được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai người con chung và yêu câu ông P cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Văn P không có ý kiến gì về yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai người con của bà T. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị T giao con chung tên Phạm Khánh D, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2009 và Phạm Khánh S, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2019 cho bà Phạm Thị T nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn yêu cầu khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị T yêu cầu ông Phạm Văn P cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, quá trình giải quyết vụ án ông P không có ý kiến vì đối với yêu cầu của bà T. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Căn cứ Điều luật đã diện vẫn, bà T là người trực tiếp nuôi hai người con chung nên ông P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do đó, yêu cầu của bà T buộc ông Phạm Văn P phải cấp dưỡng cho bà nuôi hai người con chung là có căn cứ chấp nhận. Buộc ông Phạm Văn P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 900.000 đồng/người cho đến khi hai người con chung đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân.

[5] Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị T với ông Phạm Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Khánh D, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2009 và Phạm Khánh S, sinh ngày 18 tháng 10 năm 2019 cho bà Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Phạm Văn P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 900.000 đồng/người cho đến khi hai người con chung đủ 18 tuổi và có khả tự lao động để nuôi sống bản thân.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí:

- Buộc bà Phạm Thị T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 23 tháng 6 năm 2023, bà Phạm Thị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0019020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, được chuyển thu.

- Buộc ông Phạm Văn P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Bà Phạm Thị T, ông Phạm Văn P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- UBND xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Nguyễn Văn Bình